

Phụ lục

BẢNG XẾP LOẠI, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIỀN THÔNG THÁNG 10 NĂM 2025 (Số liệu thống kê ngày 11/11/2025)

(Ban hành kèm theo Văn bản số 48/UBND-PVHCC ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình)

CẤP TỈNH									
TT	Tên cơ quan/đơn vị	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết đúng hạn	Dịch vụ công trực tuyến		Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm đạt được	Xếp loại
				Hồ sơ nộp trực tuyến	Thanh toán trực tuyến				
1	Sở Tư pháp	18	16.13	10	9.75	17.38	15.74	87.00	Tốt
2	Sở Xây dựng	17.47	18.81	10	10	18	17.61	91.89	Xuất sắc
3	Sở Khoa học và Công nghệ	18	18.26	10	10	18	18.33	92.59	Xuất sắc
4	Sở Nội vụ	18	18.3	10	7	18	18.49	89.79	Tốt
5	Sở Văn hóa và Thể thao	18	20	10	10	18	17.85	93.85	Xuất sắc
6	Sở Tài chính	18	19.09	8.62	6.99	18	7.36	78.06	Khá
7	Sở Y tế	18	17.88	10	10	17.96	15.4	89.24	Tốt
8	Sở Công Thương	18	19.14	10	4.63	18	18.78	88.55	Tốt
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	18	18.39	10	10	18	17.01	91.40	Xuất sắc
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18	15.71	10	7.1	17.22	14.39	82.42	Tốt
11	Sở Du lịch	11.57	16.36	10	10	17.45	20	85.38	Tốt
12	Ban QL Khu Khu kinh tế - KCN	18	18.74	10	10	18	16.01	90.75	Xuất sắc
CẤP XÃ									
TT	Tên cơ quan/đơn vị	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết đúng hạn	Dịch vụ công trực tuyến		Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm đạt được	Xếp loại
				Hồ sơ nộp trực tuyến	Thanh toán trực tuyến				
1	Phường Hoa Lư	18	19.16	8.11	8.8	18	19.46	91.53	Xuất sắc
2	Phường Nam Hoa Lư	18	19.83	8.08	8.83	18	19.5	92.24	Xuất sắc
3	Phường Tây Hoa Lư	18	19.44	8.12	5.99	18	19.32	88.87	Tốt
4	Phường Đông Hoa Lư	16.46	17.94	8.1	8.77	17.98	18.86	88.11	Tốt
5	Xã Yên Mô	18	20	8.08	8.77	18	19.58	92.43	Xuất sắc
6	Xã Đông Thái	18	19.98	8.1	8.65	18	19.63	92.36	Xuất sắc
7	Xã Yên Tử	17.52	19.94	8.1	8.65	18	19.6	91.81	Xuất sắc
8	Xã Yên Mạc	18	19.88	8.1	8.65	18	19.73	92.36	Xuất sắc
9	Phường Yên Thắng	18	19.89	8.08	8.65	18	19.47	92.09	Xuất sắc
10	Phường Tam Điệp	18	20	8.11	8.54	18	19.95	92.60	Xuất sắc
11	Phường Trung Sơn	18	19.93	8.11	8.65	18	19.48	92.17	Xuất sắc
12	Phường Yên Sơn	16.04	19.59	8.08	8.63	18	19.6	89.94	Tốt
13	Xã Gia Lâm	17.63	19.9	8.07	8.42	18	19.44	91.46	Xuất sắc
14	Xã Phú Sơn	18	19.84	8.07	8.48	18	19.39	91.78	Xuất sắc
15	Xã Nho Quan	18	19.97	8.1	8.74	18	19.32	92.13	Xuất sắc
16	Xã Gia Tường	18	19.94	8.08	8.42	18	19.78	92.22	Xuất sắc
17	Xã Cúc Phương	18	19.98	8.07	8.42	18	19.45	91.92	Xuất sắc
18	Xã Thanh Sơn	17.6	19.85	8.04	8.3	18	19.36	91.15	Xuất sắc
19	Xã Quỳnh Lưu	18	19.88	8.1	8.63	18	19.66	92.27	Xuất sắc
20	Xã Chât Bình	18	19.77	8.07	8.39	18	19.03	91.26	Xuất sắc
21	Xã Kim Sơn	18	19.98	8.07	8.36	18	19.56	91.97	Xuất sắc
22	Xã Quang Thiện	18	19.9	8.06	8.36	18	19.55	91.87	Xuất sắc
23	Xã Phát Diệm	18	19.7	8.1	8.65	18	19.2	91.65	Xuất sắc
24	Xã Lai Thành	15.55	19.89	8.07	8.6	18	19.77	89.88	Tốt
25	Xã Định Hóa	15.19	19.64	8.07	8.48	18	19.46	88.84	Tốt
26	Xã Bình Minh	18	19.68	8.08	8.71	18	19.55	92.02	Xuất sắc
27	Xã Kim Đông	18	20	8.07	8.51	18	19.63	92.21	Xuất sắc
28	Xã Khánh Thiện	18	19.73	8.08	8.74	18	19.27	91.82	Xuất sắc
29	Xã Yên Khánh	18	19.64	8.08	8.68	18	19.3	91.70	Xuất sắc
30	Xã Khánh Trung	18	19.75	8.08	8.54	18	19.35	91.72	Xuất sắc
31	Xã Khánh Hội	18	19.9	8.1	8.77	18	19.31	92.08	Xuất sắc
32	Xã Khánh Nhạc	18	18.63	8.1	8.71	18	19.54	90.98	Xuất sắc
33	Xã Đại Hoàng	13.31	19.64	8.07	8.6	18	19.25	86.87	Tốt
34	Xã Phú Long	18	19.8	8.07	8.51	18	19.39	91.77	Xuất sắc
35	Xã Gia Viễn	18	19.94	8.08	8.65	18	19.59	92.26	Xuất sắc
36	Xã Gia Hưng	18	19.74	8.1	8.65	18	19.56	92.05	Xuất sắc
37	Xã Gia Vân	18	19.93	8.07	8.57	18	19.49	92.06	Xuất sắc
38	Xã Gia Trần	18	19.53	8.07	8.6	18	18.87	91.07	Xuất sắc
39	Xã Gia Phong	18	19.1	8.07	8.51	18	18.76	90.44	Xuất sắc
40	Xã Bình Lục	18	20	8.07	8.51	18	19.62	92.20	Xuất sắc
41	Xã Bình Mỹ	18	19.68	8.07	8.63	18	19.81	92.19	Xuất sắc
42	Xã Bình An	17.59	19.71	8.07	8.57	18	19.49	91.43	Xuất sắc
43	Xã Bình Giang	18	19.73	8.07	8.39	18	19.79	91.98	Xuất sắc
44	Xã Bình Sơn	18	20	8.07	8.57	18	19.4	92.04	Xuất sắc
45	Xã Liêm Hà	18	19.94	8.08	8.51	18	18.92	91.45	Xuất sắc
46	Xã Tân Thanh	18	19.94	8.11	8.51	18	19.75	92.31	Xuất sắc
47	Xã Thanh Bình	18	19.99	8.08	8.45	18	19.78	92.30	Xuất sắc
48	Xã Thanh Lâm	18	19.99	8.08	8.48	18	19.78	92.33	Xuất sắc
49	Xã Thanh Liêm	18	20	8.07	8.45	18	19.64	92.16	Xuất sắc
50	Xã Lý Nhân	18	19.99	8.08	8.45	18	19.73	92.25	Xuất sắc
51	Xã Nam Xang	18	19.93	8.06	8.57	18	19.46	92.02	Xuất sắc
52	Xã Bắc Lý	15.85	20	8.1	8.57	18	19.64	90.16	Xuất sắc
53	Xã Vĩnh Trụ	18	19.94	8.08	8.48	18	19.48	91.98	Xuất sắc
54	Xã Trần Thương	18	19.91	8.04	8.39	18	19.43	91.77	Xuất sắc
55	Xã Nhân Hà	18	19.62	8.06	8.33	18	19.58	91.59	Xuất sắc
56	Xã Nam Lý	16.73	19.97	8.07	8.48	18	19.69	90.94	Xuất sắc
57	Xã Nam Trực	18	19.44	8.08	8.48	18	19.58	91.58	Xuất sắc
58	Xã Nam Minh	11.57	20	8.06	8.48	18	19.06	85.17	Tốt
59	Xã Nam Đồng	18	19.97	8.07	8.48	18	19.73	92.25	Xuất sắc
60	Xã Nam Ninh	16.11	19.64	8.07	8.42	18	19.44	89.68	Tốt
61	Xã Nam Hồng	17.87	19.34	8.04	8.45	18	19.46	91.16	Xuất sắc
62	Xã Minh Tân	18	19.76	8.06	8.63	18	19.42	91.87	Xuất sắc
63	Xã Hiền Khánh	18	19.93	8.08	8.68	18	19.67	92.36	Xuất sắc
64	Xã Vụ Bản	18	19.95	8.1	8.77	18	19.56	92.38	Xuất sắc
65	Xã Liên Minh	18	19.95	8.07	8.54	18	19.75	92.31	Xuất sắc
66	Xã Ý Yên	18	19.93	8.06	8.42	18	19.51	91.92	Xuất sắc
67	Xã Yên Đông	18	20	8.07	8.6	18	19.75	92.42	Xuất sắc
68	Xã Yên Cường	18	19.98	8.08	8.6	18	19.49	92.15	Xuất sắc
69	Xã Vạn Thắng	18	19.87	8.07	8.6	18	19.62	92.16	Xuất sắc
70									